TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2019/DS-ST
Ngày 16 tháng 10 năm 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Thắm.

2. Bà Huỳnh Thanh Trúc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Ông Tống Việt Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi, đòi tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L,** sinh năm 1961;

Người đại diện theo ủy quyền: **Trần Quang T,** sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: khu phố N, phường C, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang (theo giấy ủy quyền ngày 27/6/2019).

2/ Bị đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

(Có mặt ông T, vắng mặt bà T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị L là ông Trần Quang T trình bày:

Vào ngày 09/3/2016 âm lịch và 25/3/2016 âm lịch, bà Lê Thị L có cho bà Lê Thị T vay tổng cộng 40.000.000 đồng, bà T có viết biên nhận ngày 25/3/2016 âm lịch, biên nhận không có ghi lãi suất là bao nhiêu, thời hạn trả là khi nào.

Ngày 22/9/2018, bà Lê Thị L có cho bà Lê Thị T vay số tiền 60.000.000 đồng, bà T có viết biên nhận ngày 22/9/2018, biên nhận không có ghi lãi suất là bao nhiêu, thời hạn trả là khi nào.

Bà Lê Thị L có tham gia 05 dây hụi do bà Lê Thị T làm đầu Thảo:

- Dây thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 04/4/2016 âm lịch, mãn hụi ngày 04/7/2019 âm lịch, hụi gồm 40 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L đóng được 35 kỳ với tổng số tiền là 42.950.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 06/4/2018 âm lịch, mãn hụi ngày 06/5/2021 âm lịch, hụi gồm 38 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L đóng được 10 kỳ với tổng số tiền là 12.640.000 đồng.

- Dây thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 12/9/2018 âm lịch, mãn hụi ngày 12/9/2020 âm lịch, hụi gồm 25 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L đóng được 05 kỳ với tổng số tiền là 3.490.000 đồng.

- Dây thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 12/9/2018 âm lịch, mãn hụi ngày 12/12/2020 âm lịch, hụi gồm 28 phần, bà Lũy tham gia 01 phần, bà L đóng được 05 kỳ với tổng số tiền là 6.320.000 đồng.

- Dây thứ năm: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/10/2018 âm lịch, mãn hụi ngày 10/11/2021 âm lịch, hụi gồm 38 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L đóng được 4 kỳ với tổng số tiền là 6.330.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà L đã đóng là 71.730.000 đồng.

Đến tháng 03/2019 âm lịch, bà T không khui hụi nữa và cố tình tránh mặt. Bà L có đến gặp bà T để đòi lại số tiền đã vay và số tiền hụi đã đóng thì bà T nói không có khả năng thanh toán. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà L số tiền vay là 100.000.000 đồng và số tiền hụi đã đóng là 71.730.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 03/10/2019, bà Lê Thị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể bà L xin rút lại yêu cầu bà Loan trả số tiền hụi đã đóng là 71.730.000 đồng, chỉ yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng.

* Bị đơn bà Lê Thị T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không đến Tòa án và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Lũy.

* Tại phiên tòa, ông Trần Quang T vẫn giữ yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà T trả số tiền hụi đã đóng là 71.730.000 đồng, chỉ yêu cầu bà T trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ông T khai hai bên thỏa thuận miệng lãi suất đối với hai khoản nợ theo hai biên nhận nêu trên là 5%/tháng. Bà T đóng lãi 2.000.000 đồng/tháng đối với số tiền vay 40.000.000 đồng, bà T đã trả lãi được 35 tháng (từ tháng 4/2016 âm lịch đến tháng 02/2019 âm lịch) là 70.000.000 đồng. Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng, mỗi tháng bà T trả lãi 3.000.000 đồng/tháng, bà T đã trả lãi được 02 tháng là 6.000.000 đồng. Ông T không đồng ý trừ số tiền lãi mà bà T đã trả vượt quá mức lãi suất quy định tại thời điểm trả lãi vào số tiền nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi. Đối với yêu cầu về tiền hụi, nguyên đơn là bà L đã rút thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút. Về yêu cầu khởi kiện trả lại số tiền vay 100.000.000 đồng của bà L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của L, buộc bà T trả cho bà L số tiền vay còn nợ sau khi trừ số tiền lãi mà bà T đã trả vượt quá mức lãi suất quy định tại thời điểm trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn bà Lê Thị L căn cứ vào biên nhận nợ ngày 25/3/2016 và biên nhận nợ ngày 22/9/2018 để khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hai biên nhận nêu trên không có ghi thời hạn trả nợ, ông T thừa nhận bà T có trả lãi cho đến tháng 02/2019 âm lịch thì ngưng. Tháng 03/2019 bà L đòi lại số tiền gốc đã vay thì bà T không thực hiện. Tháng 6/2019, bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn theo khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 và bà L đã báo trước cho bà T một khoảng thời gian hợp lý.

Bà Lê Thị L căn cứ vào 02 giấy hụi ngày 12/9, 01 giấy hụi ngày 10/10, 01 giấy hụi ngày 06/4/2018 và giấy hụi ngày 04/4/2016 để khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền hụi đã đóng 71.730.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn bà Lê Thị T, có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy địnhtại khoản 3 Điều 26, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Theo kết quả xác minh tại Công an xã T, bị đơn bà Lê Thị T có hộ khẩu thường trú tại số ấp P, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang nhưng hiện đã bỏ địa phương đi nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017. Tòa án đã tiến hành

tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà Lê thị Thanh Loan đến Tòa án nhưng bà Loan vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Lê Thị T.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*: Xét biên nhận nợ ngày 25/3/2016 và biên nhận nợ ngày 22/9/2018 do bà Lê Thị T ký tên vay của bà Lê Thị L tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Hai biên nhận nợ kể trên thể hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay tài sản và bên vay tài sản được quy định tại và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho bà L. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay, đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là biên nhận nợ ngày 25/3/2016 và biên nhận nợ ngày 22/9/2018 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đối với yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền hụi đã đóng 71.730.000 đồng mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2019, bà Lê Thị L đã yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng đến ngày 03/10/2019 bà L có đơn xin rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà L về số tiền hụi mà bà đã đóng cho bà T là 71.730.000 đồng. Nếu sau này bà khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] *Về lãi suất:* Theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng:

Ngày 01/01/2017 nhằm ngày 04/12/2016 âm lịch.

Xét tiền lãi từ tháng 4/2016 âm lịch đến tháng 11/2016 âm lịch (08 tháng): Theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng (không vượt quá 13,5%/năm), tức là không vượt quá (13,5%/12) x 40.000.000 x 8 = 3.600.000 đồng, nhưng bà T đã đóng 2.000.000 x 8 = 16.000.000 đồng nên phần tiền lãi vượt quá là 12.400.000 đồng.

Xét tiền lãi từ tháng 12/2016 âm lịch đến tháng 02/2019 âm lịch (27 tháng): Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không vượt quá (20%/12) x 40.000.000 x 27 = 18.000.000 đồng, nhưng bà T đã đóng 2.000.000 x 27 = 54.000.000 đồng, nên phần tiền lãi vượt quá là 36.000.000 đồng.

Tổng cộng phần tiền lãi vượt quá của số tiền vay 40.000.000 đồng là 48.400.000 đồng.

Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng:

Từ ngày vay là ngày 22/9/2018 đến tháng 02/2019 âm lịch, bà T đã đóng lãi cho bà Lũy được 02 tháng. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không vượt quá (20%/12) x 60.000.000 x 2 = 2.000.000 đồng, nhưng bà T đã đóng 3.000.000 x 2 = 6.000.000 đồng, nên phần tiền lãi vượt quá là 4.000.000 đồng.

Tổng cộng phần tiền lãi vượt quá của số tiền vay 100.000.000 đồng là 52.400.000 đồng. Phần tiền lãi vượt quá sẽ cấn trừ vào phần tiền gốc. Bà T còn phải trả cho bà Lũy số tiền là 47.600.000 đồng.

Bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của bà Lũy đối với bà được Tòa án chấp nhận.

Bà Lũy không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 469 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 244; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc buộc bà Lê Thị T trả số tiền hụi là 71.730.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Buộc bà Lê Thị Tcó trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền 47.600.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi suất. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 2.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Bà Lê Thị L phải chịu 2.620.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch. Hoàn lại cho bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.673.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000093 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sư có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni